

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2023/DS-PT**

Ngày: 11-12-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: + Bà Trương Thị Đào Vi

+ Ông Lê Vũ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Hạ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 34/2023/TLPT-DS về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1977; trú tại: 4/7/40 L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1983; cùng trú tại: Khu quy hoạch T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Ngô Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Trong khoảng thời gian vào năm 2020 đến năm 2021 do làm cùng công ty với bà Nguyễn Thị Hải N, bà N có nhờ bà T vay mượn tiền giùm. Bà T có vay mượn tiền giùm cho bà N rất nhiều đợt. Ông Ngô Quang T có đến nhà bà để lấy tiền. Đến ngày 27/4/2022 (Âm lịch) bà T đến tại 138 T, phường V, thành phố H và bà Nguyễn Thị Hải N viết giấy mượn tiền, nội dung bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T mượn của bà với số tiền 300.000.000 đồng, thời gian mượn đến 26/7/2022 âm lịch sẽ trả cho bà. Lúc viết giấy này bà N viết và ký nhưng không có mặt ông T, bà T có nói với bà N phải có chữ ký của ông Ngô Quang T, sau đó 01 đến 02 ngày thì bà N nói ông T ký rồi và nói bà đến lấy nên bà đến lấy giấy mượn tiền, chữ ký Ngô Quang T trong giấy mượn tiền thì bà không biết. Đến nay vợ chồng bà N không trả tiền, nên bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T trả cho bà với số tiền 300.000.000 đồng.

* Phía bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải N trình bày: Khoảng vào năm 2020 bà làm cùng công ty với bà Trần Thị Minh T, do mở quán kinh doanh cà phê và quán nhậu, nên vay của bà T để mở quán cà phê, sau đó có vay để mở quán nhậu, hàng tháng có trả lãi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 27/4/2022 (Âm lịch) bà N viết giấy mượn tiền để chốt lại số tiền còn nợ của bà Trần Thị Minh T với số tiền 300.000.000 đồng. Khi viết giấy mượn tiền có bà và bà T, nhưng giấy có tên chồng bà là Ngô Quang T do bà T yêu cầu phải có tên chồng bà và chồng bà ký, nhưng sau đó bà tự ký và đề tên chồng của bà chứ chồng bà không ký trong giấy mượn tiền. Nay bà xác nhận còn nợ bà Trần Thị Minh T số tiền 300.000.000 đồng, xin trả dần 01 tháng 1.000.000 đồng, do hiện tại không còn kinh doanh ở quán cà phê tại 97 T, thành phố H và quán nhậu K tại 138 T, thành phố H nữa. Nay bà T khởi kiện vợ chồng bà thì chỉ bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Bị đơn – ông Ngô Quang T trình bày: Khoảng cuối năm 2020 đầu năm 2021, ông có biết vợ ông có vay tiền của bà Trần Thị Minh T, nhưng không biết số tiền cụ thể, vay để kinh doanh quán cà phê tại 97 T, thành phố H. Sau này khoảng tháng 5, 6/2023 ông mới biết vợ còn nợ bà T số tiền 300.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ngày 27/4/2022 (Âm lịch) ông không biết, chữ ký trong giấy ông được biết là vợ ông ký và ghi tên ông. Nay bà Trần Thị Minh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ thì vợ ông có trách nhiệm trả nợ, ông không đồng ý việc bà T khởi kiện ông trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh T. Buộc bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T phải trả cho bà Trần Thị Minh T số tiền nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

Ngày 04/8/2023, Bị đơn ông Ngô Quang T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung trình bày của bà T về việc ông T có đến nhà lấy tiền; các luận cứ buộc ông có nghĩa vụ trả nợ cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hải N cho bà Trần Thị Minh T gồm “Vay trong thời kì hôn nhân”, “Vay phục vụ cho mục đích kinh doanh của gia đình”, “Quá trình vay là ông có biết”; trừ khoản tiền 36.000.000 đồng vào số tiền gốc vợ ông T đã mượn; xem xét số tiền lãi 40.000 đồng/triệu/tháng của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Ngô Quang T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Không chấp nhận đơn kháng cáo của Bị đơn ông Ngô Quang T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271, 272; trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273, đã nộp đủ án phí phúc thẩm nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn kháng cáo của Bị đơn ông Ngô Quang T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N đều thừa nhận bà T cho bà N vay số tiền 300.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền ngày 27/4/2022 (Âm lịch), có chữ ký của bà T, bà N, ông T nhưng bị đơn ông T và bà T khai chữ ký trên giấy mượn tiền tên T là do bà N tự ký để bà T tin tưởng cho mượn tiền. Xét thấy, mặc dù ông T không ký vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, ông T và bà N đều khai mục đích vay là để kinh doanh chung. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thừa nhận đoạn tin nhắn trên ứng dụng Zalo do bà T cung cấp (**BL85 -86**) là tin nhắn giữa ông và bà T. Vì vậy, căn cứ Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình ông T phải có nghĩa vụ liên đới với bà N về nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

Xét kháng cáo của ông T yêu cầu trừ khoản tiền 36.000.000 đồng bà T đã nhận vào số tiền nợ gốc.

Xét số tiền vay 300.000.000 đồng, mặc dù trong giấy mượn tiền không thỏa thuận về lãi suất nhưng bà N, bà T đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 40.000 đồng/triệu/tháng tức là 4%/tháng. Xét thấy lãi suất này vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) là 20%. Quá trình vay, bà T thừa nhận bà N có trả 36.000.000 đồng tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ ngày vay 27/4/2022 âm lịch (tức 27/3/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2023 là 15 tháng 24 ngày, với lãi suất theo quy định là 5.000.000 đồng/tháng tương đương với số tiền lãi là 79.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà T đã nhận 36.000.000 đồng của bà N là tiền lãi và không vượt quá số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ trừ 36.000.000 đồng vào số tiền gốc như kháng cáo của ông T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Ngô Quang T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T phải chịu án phí 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Quang T phải chịu 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Ngô Quang T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25, 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T phải trả cho bà Trần Thị Minh T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hải N và ông Ngô Quang T phải chịu án phí 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị Minh T số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005344 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Ngô Quang T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006575 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND TP H;
- VKSND tỉnh TT H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- HCTP, TDS, lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Thị Hồng Vân

